

Số: 31/KH-MNHT

Hàm Tử, ngày 19 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ văn bản hợp nhất số số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên quyết định ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ kết quả chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục nhà trường năm học 2023-2024; Căn cứ tình hình thực tế cơ sở vật chất của nhà trường, của địa phương, đội ngũ giáo viên và học sinh;

Căn cứ buổi họp chuyên môn ngày 17/8/2024 của 2 khối (Nhà trẻ; Mẫu giáo). Trường Mầm non Hàm Tử xây dựng Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. Thực trạng

* Cơ sở vật chất.

- Phòng học: 13 phòng (13 phòng kiên cố có diện tích mỗi phòng 54 m²)
- Phòng hành chính: 8 phòng (Văn phòng trường có diện tích 103 m², Phòng kế toán, Phòng y tế, phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, phòng nhân viên, phòng bảo vệ có diện tích 21 m².
- Phòng chức năng: 3 phòng: 1 Phòng đa chức năng có diện tích 64 m², 1 Phòng tin học, 1 Phòng thư viện có diện tích 70 m².
- Có 01 bếp ăn tại khu trung tâm xã với diện tích 200 m². Có đủ trang thiết bị: Bếp nấu, tủ lạnh, Tủ sấy bát, nồi hầm cháo, khay nấu cơm, xoong chia ăn, bát thìa, giường ngủ, chăn ...
- Sân chơi thoáng mát có khu vui chơi vận động, vườn cổ tích, có đồ chơi ngoài trời cầu trượt, đu quay, xích đu, thang leo, bập bênh, con nhún lò xo.

+ Tổng số có 13 nhóm lớp (Nhà trẻ: 4; Mẫu giáo: 9), dự kiến số trẻ ra lớp 309 cháu.

+ Trường có 03 tổ (2 tổ chuyên môn, 1 tổ văn phòng)

* Về đội ngũ

- Tổng số cán bộ, GVNV: 28 (CBQL: 3; GV: 22; Nhân viên: 03)

- Trình độ: CBQL: 3 trên chuẩn đạt 100%. Giáo viên: 15 trên chuẩn đạt 72%, 7 đạt chuẩn 28%. Tỷ lệ giáo viên 1.7 GV/ lớp.

- Nhân viên: 3; 2 NV nấu ăn (1 NV nấu ăn trình độ TC, 1 SC). 1 NV bảo vệ.

II. Thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi

Năm học 2024-2025 trường Mầm non Hàm Tử vẫn tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Phòng Giáo dục & Đào tạo Khoái Châu, của Đảng ủy-HĐND-UBND xã, sự quan tâm của các ban ngành đoàn thể, cùng với sự chăm lo hỗ trợ của toàn dân xã Hàm Tử.

- Về cơ sở vật chất:

+ Nhà trường đã được quy hoạch về một điểm tại khu trung tâm, có đủ các phòng học và các phòng chức năng là phòng kiên cố, đảm bảo đủ diện tích, đã có nguồn nước sạch, công trình vệ sinh khép kín. Có vòm mái tôn che nắng che mưa cao rộng thoáng mát, có khu vui chơi phát triển vận động, có trên 5 loại đồ chơi ngoài trời, có vườn cỏ tích, sân chơi rộng, quanh trường có cây xanh bóng mát đảm bảo đủ diện tích thuận tiện cho trẻ hoạt động

+ Các nhóm, lớp có tương đối đầy đủ đồ dùng, đồ chơi phục vụ các hoạt động cho trẻ theo quy định, lớp được trang trí theo chủ đề đẹp phù hợp

+ Bếp ăn một chiều, diện tích đảm bảo, đồ dùng, thiết bị phục vụ bán trú luôn sắp xếp gọn gàng sạch sẽ.

- Đội ngũ cán bộ nhà trường có trình độ trên chuẩn, năng lực chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm năng lực tốt trong công tác quản lý. Đa số giáo viên trẻ, nhiệt tình, yêu nghề, mến trẻ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm trong công tác, có tinh thần tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân để áp dụng trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ một cách khoa học, đạt hiệu quả cao.

- Trẻ được phân chia theo độ tuổi. Số trẻ trên lớp đảm bảo theo quy định.

- Đa số phụ huynh quan tâm đến con em mình cùng kết hợp với nhà trường, cô giáo trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

2. Khó khăn

- TBDD, đồ chơi chưa được phong phú về số lượng và chủng loại.
- Năng lực, tuổi đời của đội ngũ giáo viên không đồng đều, có giáo viên tuổi cao việc ứng dụng CNTT còn hạn chế, có giáo viên mới chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ nên cũng khó khăn trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Các buổi sinh hoạt chuyên môn của nhà trường và của tổ chuyên môn, các ý kiến trao đổi thảo luận xây dựng ý kiến của một số giáo viên chưa nhiều.
- Còn một số phụ huynh đi làm công ty từ sáng đến tối muộn gửi con ông bà đưa, đón nên việc trao đổi với phụ huynh về tình hình học tập chưa đạt hiệu quả chưa tốt.

B. CÁC CHỈ TIÊU VÀ GIẢI PHÁP

I. NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC

1. Chỉ tiêu

1.1. Nuôi dưỡng

- 100% trẻ được ăn bán trú tại trường; trẻ được cân đo lên biểu đồ 1 quý/1 lần và khám sức khỏe 2 lần/năm. Trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng xuống 1-2 %.
- Bếp ăn theo một chiều có đầy đủ đồ dùng phục vụ ăn uống của trẻ. Đảm bảo không xảy ra ngộ độc thực phẩm, đảm bảo khẩu phần ăn của trẻ đầy đủ chất dinh dưỡng.
- 100% nhân viên được bồi dưỡng kiến thức về vệ sinh An toàn vệ sinh thực phẩm.
- 100% trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên được khám sức khỏe theo định kỳ.

1.2. Chăm sóc

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh. Thực hiện tốt xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong nhà trường.
- 100% trẻ đến trường được chăm sóc chu đáo, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần.
- 100% trẻ có đồ dùng cá nhân có ký hiệu riêng, được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ cá nhân theo quy định.
- Đảm bảo tỷ lệ chuyên cần trong năm học: Trẻ nhà trẻ đạt 90%; Trẻ Mẫu giáo đạt 95% trở lên.

- 100% các nhóm lớp thực hiện tốt trong tổ chức giấc ngủ; công tác vệ sinh; chăm sóc sức khỏe an toàn cho trẻ.

- 100% nhóm lớp phải có đủ nước sạch, nước uống ấm về mùa đông

2. Giải pháp

2.1. Nuôi dưỡng

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú tại trường cho trẻ.

- Thực hiện ký hợp đồng với nhân viên nấu ăn đảm bảo theo quy định.

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa đảm bảo chất dinh dưỡng, đủ khẩu phần ăn của một trẻ/ngày phù hợp với độ tuổi. Sử dụng thực phẩm đa dạng, thay đổi sự kết hợp giữa các loại thực phẩm.

- Kiểm tra việc giao nhận thực phẩm, chế biến món ăn, chia ăn, tổ chức giờ ăn, giờ ngủ, theo dõi chất lượng bữa ăn của trẻ.

*** Trẻ 24-36 tháng**

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
24 - 36 tháng	Cơm thường	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal

- Số bữa ăn tại nhà trường: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn phụ buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

*** Trẻ Mẫu giáo**

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.

- Số bữa ăn tại trường mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn)

2.2. Chăm sóc

+ Chuyên cần

- Làm tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, tuyên truyền cho phụ huynh phối kết hợp đưa đón các cháu đi học đúng giờ, phụ huynh không cho trẻ nghỉ tự do để đảm bảo tỷ lệ chuyên cần.

+ Tổ chức ăn, ngủ

- Rèn cho trẻ xếp hàng rửa tay sạch sẽ trước và sau khi ăn cơm, có nề nếp trong ăn uống; trẻ biết các món ăn hằng ngày và chất dinh dưỡng từ món ăn.v.v.

- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

+ Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân (Đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ mỗi trẻ có đủ: khăn mặt, ca cốc và có ký hiệu riêng). Mỗi lớp phải có đầy đủ dụng cụ cho trẻ thực hiện vệ sinh cá nhân như máng rửa tay, nguồn nước sạch, xà phòng. Giáo viên hướng dẫn trẻ vệ sinh cá nhân như: (Vệ sinh rửa mặt, vệ sinh tay chân, vệ sinh răng miệng, trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, gũì gìn tay chân, quần áo sạch sẽ, ...)

- Vệ sinh môi trường: thường xuyên, vệ sinh sạch sẽ trong và ngoài lớp học, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

- Tăng cường giáo dục kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, luyện tập một số thói quen tốt về tự phục vụ.

+ Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Học sinh đến trường đều được kiểm tra khám sức khỏe định kỳ (nhà trường phối kết hợp với Trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ một năm 2 lần).

Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi (Thực hiện 3 tháng/1 lần: (T9, T12, T3, T5).

- Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì: Nhà trường xây dựng kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng và béo phì và phối hợp với phụ huynh học sinh trong việc điều chỉnh chế độ ăn hàng ngày tại gia đình.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp (bệnh cúm A, thủy đậu, chân tay miệng, ho, tiêu chảy....) Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. (Ngã, Bỏng, hóc sặc, ngạt thở do dị vật đường hô hấp, ngộ độc thức ăn, điện giật, kẹp ngón tay hoặc chân, côn trùng đốt.v.v.)

II. PHÂN PHỐI THỜI GIAN, CHẾ ĐỘ SINH HOẠT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC.

1. Thời gian thực hiện chương trình.

Chương trình giáo dục Nhà trẻ 24-36 tháng và trẻ Mẫu giáo năm học 2024-2025 được xây dựng 35 tuần thực học, mỗi tuần làm việc 5 ngày (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần).

- Học kỳ I bắt đầu từ ngày 09/9/2024, kết thúc ngày 10/01/2025.

- Học kỳ II thực hiện từ ngày 13/01/2025, hoàn thành chương trình giáo dục học kỳ II ngày 16/5/2025; kết thúc năm học trước ngày 31/5/2025.

- Thời điểm nghỉ hè, ngày Lễ, ngày Tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chế độ sinh hoạt.

+ Trẻ nhà trẻ 24 - 36 tháng tuổi

Thời gian	Hoạt động	Thời gian hoạt động cụ thể/1ngày	
		Mùa đông	Mùa hè
50 - 60 phút	Đón trẻ	7h15h - 8h15	6h45 – 7h45
110 - 120 phút	Chơi - Tập	8h30 - 10h30	8h15 - 10h15
50 - 60 phút	Ăn chính	11h - 12h	10h 45 – 11h45
120 - 150 phút	Ngủ	12h - 14h	11h 45 – 14h15
20 - 30 phút	Ăn phụ	14h30 -15h	15h – 15h30
50 - 60 phút	Chơi - Tập	15h - 16h	15h30 - 16h30
50 - 60 phút	Chơi/Trà trẻ	16h - 17h	16h30 - 17h30

+ Trẻ Mẫu giáo

Thời gian	Hoạt động	Thời gian sinh hoạt cụ thể/1ngày	
		Mùa đông	Mùa hè
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng	7h15-8h35	6h45-8h15
30 - 40 phút	Học	8h35 - 9h15	8h15-8h50
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc	9h40-10h20	8h50-9h40
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời	10h20-11h	9h40-10h20
60 - 70 phút	Ăn bữa chính	11-12h	10h20-11h20
140 - 150 phút	Ngủ	12h-13h30	11h30-14h
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ	14h-15h30	14h- 14h30
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích	15h30-16h40	14h30-16h
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ	16h40-17h30	16h-17h

3. Thực hiện các hoạt động giáo dục trong tuần

Khối tuổi	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Nhà trẻ 24-36 tháng	Thể dục	Nhận biết	Hoạt động với đồ vật	LQVH	- Âm nhạc
Mẫu giáo 3-4 tuổi	Thể dục	Tạo hình	Toán	KPKH (KPxH)	- LQVH - Âm nhạc
Mẫu giáo 4-5 tuổi	Thể dục	Toán	Tạo hình LQCC	KPKH (KPxH)	- LQVH - Âm nhạc
Mẫu giáo 5-6 tuổi	Thể dục	Tạo hình Văn học	KPKH (KPxH)	LQVT	- LQCC - Âm nhạc

III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

1. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC KHỐI NHÀ TRẺ.

1.1. MỤC TIÊU CHUNG.

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

* *Phát triển thể chất*

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.

- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tổ chất vận động ban đầu (nhánh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

*** Phát triển nhận thức**

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

*** Phát triển ngôn ngữ**

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

*** Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.**

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...

1.2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỤ THỂ

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục
1. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	MT1. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng /bụng và chân.	+ Thể dục buổi sáng + Thể dục phát triển vận động (Tại phần tập bài tập phát triển chung) - Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: cúi người về phía trước, nghiêng người sang hai

		<p>bên, vặn người sang hai bên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
	MT2. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi	<ul style="list-style-type: none"> - Đi theo hiệu lệnh - Đi trong đường hẹp - Đi có mang vật trên tay - Đi bước qua vật cản - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay
	MT3. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động chạy, thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy theo hướng thẳng - Chạy nhanh, chạy chậm - Chạy theo đường ngoằn ngoèo
	MT4. Trẻ biết thực hiện phối hợp trong vận động tung – bắt. chuyên	<ul style="list-style-type: none"> - Ném bóng về phía trước - Ném bóng vào đích xa 1- 1,2m - Bắt bóng cùng cô ở khoảng cách 1 m. - Tung bóng qua dây
	MT5. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn	<ul style="list-style-type: none"> - Bò thẳng hướng - Bò theo đường ngoằn ngoèo - Bò theo đường rích rắc - Bò trong đường hẹp - Bò chui qua cổng - Bò qua vật cản
	MT6. Trẻ biết bước lên xuống 10cm	<ul style="list-style-type: none"> - Bước lên xuống bậc cao 10- 15cm
	MT7. Trẻ thể hiện sức mạnh cơ bắp của đôi chân trong vận động nhún, bật.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ (Bật qua các vòng) - Nhún bật về phía trước - Bật xa bằng 2 chân

	<p>MT8. Trẻ thực hiện được một số thao tác vận động tinh, phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt trong các hoạt động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xoay tay, nhón nhặt đồ vật - Chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào đất nặn đảo, khuấy, vò, xé, tập sâu vòng, luồn dây, buộc dây, cài, cởi cúc - Thực hiện múa khéo - Tập cầm bút tô, vẽ - Xếp chồng 6-8 khối - Chắp ghép hình - Lật mở trang sách
<p>* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p>		
	<p>MT9. Trẻ ngủ được một giấc ngủ trưa</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập thói quen ngủ một giấc trưa
	<p>MT10. Trẻ biết thực hiện một số thói quen tốt trong sinh hoạt, thích nghi được với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập một số thói quen tốt trong ăn uống, chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau + Ăn chín, uống sôi + Rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn + Đi vệ sinh, vứt rác đúng nơi quy định
	<p>MT11. Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn, biết bảo vệ sức khỏe.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập tự phục vụ: - Xúc cơm, uống nước, rửa tay, lau mặt - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh. - Biết bảo vệ sức khỏe, đội mũ khi ra nắng cởi quần áo khi bị bần, bị ướt, mặc quần áo ấm khi trời lạnh. - Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định

	MT12. Trẻ biết tránh một số vật dụng, hành động nơi nguy hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vận dụng, hành động nguy hiểm, không được phép sờ vào hoặc đến gần Bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, dao, kéo, giéng) khi được nhắc nhở - Nhận biết những nơi nguy hiểm, (Không leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...)
1. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	MT13. Trẻ có thể sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì - Nếm vị của 1 số thức ăn, quả (ngọt – mặn - chua)
	MT14: Trẻ nhận biết được công việc hàng ngày của các cô, các bác trong nhóm/lớp	<ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động hàng ngày của trẻ trên lớp - Công việc của các cô các bác trong nhóm/lớp của trẻ
	MT15. Trẻ nhận biết được tên của bản thân và những người gần gũi, biết tên, công việc của những người gần gũi trong gia đình. bắt chước một số hành động đơn giản của người lớn.	<ul style="list-style-type: none"> -Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân -Tên của cô giáo, các bạn, nhóm hoặc lớp, những người thân gần gũi trong gia đình -Tên công việc của cô giáo, những người thân gần gũi trong gia đình. - Chơi các trò chơi bắt chước một số hành động đơn giản của những người thân gần gũi.
	MT16. Trẻ nói được tên	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, chức năng chính một số bộ

	và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	phần của cơ thể: Mắt, mũi, tai, miệng, tay, chân,
	MT17. Trẻ nhận biết và gọi được tên của một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau củ, hoa quả quen thuộc
	MT18. Trẻ có thể chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ, xanh, vàng theo yêu cầu	- Nhận biết một số màu sắc cơ bản: Màu đỏ, xanh, vàng - Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi đúng nơi quy định.
	MT19. Trẻ có thể chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ	- Nhận biết kích thước to/ nhỏ của đồ vật
	MT20. Trẻ nhận biết được số lượng một và nhiều	- Nhận biết số lượng một và nhiều của đồ vật
	MT21. Trẻ nhận biết được hình vuông, hình tròn. Chữ nhật, tam giác.	- Nhận biết hình tròn, hình vuông
	MT22 Trẻ xác định được vị trí trong không gian so với bản thân trẻ	- Xác định vị trí của trẻ trong không gian (trước- sau, trên – dưới) so với bản thân trẻ
	MT23. Trẻ nhận biết một vài đặc điểm nổi bật các mùa trong năm	- Đặc điểm nổi bật, hoạt động diễn ra theo mùa trong năm
	MT24. Trẻ biết tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của một số phương tiện giao thông	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của một số phương tiện giao thông gần gũi

	MT25. Trẻ biết tên 2-3 địa danh ở địa phương và một số ngày lễ hội.	<ul style="list-style-type: none"> - Tên trường đang học, trường tiểu học. - Ngày hội đến trường của bé. - Tết trung thu. - Ngày hội của cô giáo. - Ngày quốc phòng toàn dân. - Tết mùa xuân. - Ngày hội của bà, của mẹ.
3. LĨNH VỰC PHAT TRIỂN NGÔN NGỮ	MT26. Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động, trả lời được các câu hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói, các câu hỏi: “Cái gì? Để làm gì? Ở đâu? Như thế nào?” - Trò chơi: Ai nhanh hơn (nghe tên- chọn đúng đồ chơi)
	MT27. Trẻ hiểu nội dung bài thơ, đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn, đồng dao, ca dao có 3-4 tiếng
	MT28: Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách	Trẻ chú ý, tập trung lắng nghe cô giáo đọc sách.
	MT29. Trẻ có thể hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản. Trả lời được các câu hỏi về tên, nội dung câu chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung câu chuyện - Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, nội dung câu chuyện.
	MT30. Trẻ có thể phát âm rõ tiếng	- Các từ chỉ đồ vật, con vật, cây cối, hoa quả, sự vật đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp
	MT31. Trẻ biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp với các mục đích khác nhau	- Chào hỏi, trò chuyện, nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động,

		<p>đặc điểm quen thuộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện nhu cầu, mong muốn của bản thân bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.
	MT32. Trẻ có thể nói to, đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn
	MT33. Trẻ thích xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh
4. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ XÃ HỘI	MT34. Trẻ nói được một vài thông tin về mình, thể hiện được điều mình thích và không thích.	- Nhận biết tên gọi, tuổi và một số đặc điểm bên ngoài bản thân, một số đồ dùng đồ chơi yêu thích và không thích.
	MT35. Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói	<ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Quan tâm đến các con vật nuôi.
	MT36. Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, sợ hãi
	MT37. Trẻ nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người, sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân ---- Nhận biết đồ dùng, đồ chơi yêu thích của bản thân - Nghe và nhận biết âm thanh bắt chước tiếng kêu của các con vật quen thuộc. - Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi.
	MT38. Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn,

		nói từ dạ, vâng ạ. - Chơi cạnh bạn, không đánh, cầu, cắn bạn.
	MT39. Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ	- Trò chơi bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại
	MT40. Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định
	MT41. Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát, bản nhạc quen thuộc	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc - Vận động vỗ tay theo nhịp, lắc lư theo nhịp.
	MT42. Trẻ thích nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ
	MT43. Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình - Xem tranh, xâu hạt.

*** Dự kiến các chủ đề và thời gian thực hiện**

Tên chủ đề	Thời gian thực hiện	Lĩnh vực phát triển			
		Lĩnh vực thể chất	Lĩnh vực nhận thức	Lĩnh vực ngôn ngữ	Lĩnh vực PTTC XH & Thẩm mỹ
Chủ đề 1: Bé và các bạn. (4 tuần)	Từ ngày 9/09 đến 23/9/2024	MT: 1, 2, 9, 10, 11	MT: 16, 17, 20, 21, 25	MT: 27, 29, 30, 31	MT: 35, 38, 41, 42, 43
Chủ đề 2: Các cô Bác trong nhà trẻ.	Từ ngày 7/10 đến 01/11/2024	MT: 1, 3, 9, 10, 11	MT: 14, 15, 17, 19, 22	MT: 26, 27, 29, 31	MT: 38, 41, 42, 43

(4 tuần)					
Chủ đề 3: Đồ chơi của bé. (4 tuần)	Từ ngày 04/11 đến 29/11/2024	MT: 1, 4, 9, 10, 11	MT: 17, 18, 25	MT: 27, 29, 31	MT: 34, 38, 41, 42, 43
CD: Mẹ và những người thân yêu của bé. (3 tuần)	Từ ngày 06/12 đến 20/12/2024	MT:1, 4, 9, 10, 11, 12	MT: 17, 18, 22	MT: 27, 29, 31, 32, 33	MT: 38, 39, 41, 42, 43
Chủ đề 5: Bé thích đi PTGT. (3 tuần)	Từ ngày 23/12/20234 đến 10/01/2025	MT: 1, 5, 9, 10, 11, 12	MT: 21, 24	MT: 27, 29, 31	MT: 38, 41, 42, 43
Chủ đề 6: Tết - mùa xuân (3 tuần)	Từ ngày 13/01 đến 7/02/2025	MT: 1, 7, 8, 9, 10, 11	MT: 17, 21, 25	MT: 27, 28, 29, 31	MT: 38, 40, 41, 42, 43
Chủ đề 7: Cây và những bông hoa đẹp (4 tuần)	Từ ngày 10/02/đến 7/03/2025	MT: 1, 5, 9, 10, 11	MT: 13, 17, 18	MT: 27, 29, 31	MT: 36, 38, 39, 41, 42, 43
Chủ đề 8: Những con vật đáng yêu. (4 tuần)	Từ ngày 10/3 đến 4/4/2025	MT: 1, 2, 6, 9, 10, 11	MT: 17, 20, 25	MT: 27, 29, 31	MT: 37, 38, 41, 42, 43
Chủ đề 9: Mùa hè với bé. (4 tuần)	Từ ngày 7/4 đến 02/5/2025	MT: 1, 2, 3, 9, 10, 11	MT: 17, 19, 23	MT: 27, 29, 31	MT: 38, 41, 42, 43
CD 10: Bé lên mẫu giáo (2 tuần)	Từ ngày 05/5 đến 16/5/2025	MT: 1, 4, 7, 9, 10, 11	MT: 17, 18, 21	MT: 27, 29, 31	MT: 38, 41, 42, 43
Tổng	35 tuần				

2. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC KHÓI MẪU GIÁO

2.1. MỤC TIÊU CHUNG.

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

*** Phát triển thể chất**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

*** Phát triển nhận thức**

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

*** Phát triển ngôn ngữ**

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

*** Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội**

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

*** Phát triển thẩm mỹ**

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

2.2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỤ THỂ

*** Khối mẫu giáo 3-4 tuổi**

Lĩnh vực GD	Mục tiêu năm học	Nội dung
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	* Phát triển vận động	
	MT1: Trẻ thực hiện được đầy đủ, đúng, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	Thể dục buổi sáng + Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên. - Co và duỗi tay, bắt chéo tay trước ngực. + Lung, bụng, lườn: - Cúi về phía trước - Quay sang trái, sang phải - Nghiêng người sang trái, sang phải + Chân: - Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm, đứng lên; co duỗi chân +BAT tại chỗ, bật tiến về phía trước.
	MT2: Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động:	Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung, ném, bắt

	Tung, ném, bắt	<ul style="list-style-type: none"> + Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liền không rơi bóng (Khoảng cách 2.0m) + Ném xa bằng 1 tay + Ném trúng đích bằng 1 tay + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc
	MT3: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2). Đi kiễng gót liên tục 3m.	<ul style="list-style-type: none"> + Đi và chạy - Đi kiễng gót - Đi trong đường hẹp - Đi trên ghế thể dục
	MT4: Trẻ kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi chạy thay đổi hướng theo đường đích đặc
	MT5: Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản 1 cách vững vàng đúng tư thế khi thực hiện vận động: Bật xa 20-25cm. Bật về phía trước	<ul style="list-style-type: none"> * Bật - nhảy - Bật tại chỗ - Bật tiến phía trước - Bật xa 20-25cm
	MT6: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo khi thực hiện bài vận động: Bò, trườn theo hướng thẳng đích đặc. Trèo lên xuống thang.	<ul style="list-style-type: none"> Bò, trườn, trèo - Bò, trườn theo hướng thẳng, đích đặc - Bò chui qua cổng - Trườn về phía trước - Bước lên, xuống bục cao (Cao 25cm) - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài - Trèo lên xuống thang

<p>MT7: Trẻ thực hiện được các vận động: Xoay tròn cổ tay, gập đan ngón tay vào nhau. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gập đan các ngón tay vào nhau, cổ tay, cuộn cổ tay - Vẽ hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được 1 đoạn 10 cm - Xếp chồng 10 khối không đồ - Biết tết sợi đôi - Tự cài, cởi cúc
<p>* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p>	
<p>MT8: Trẻ biết nói đúng tên 1 số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Thịt, cá, trứng, sữa rau...)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết 1 số thực phẩm và món ăn quen thuộc
<p>MT9: Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày thịt luộc, trứng rán, cá kho, canh rau...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên một số món ăn hằng ngày thịt luộc, trứng rán, cá kho, canh rau...
<p>MT10: Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
<p>MT11: Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đánh răng lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Tháo tất, cởi quần, áo...
<p>MT12: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở. Biết sử dụng bát thìa đúng cách</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Sử dụng bát thìa đúng cách
<p>MT13: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau chảy máu hoặc sốt...

		<ul style="list-style-type: none"> - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác vào thùng
	<p>MT14: Trẻ nhận ra và tránh 1 số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...khi được nhắc nhở.</p> <p>(không đưa phần nội dung vào mục tiêu)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra và tránh 1 số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...
	<p>MT15: Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm: (Hồ, ao, bể chứa nước, hố vôi) ... khi được nhắc nhở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm: (Hồ, ao, bể chứa nước, hố vôi) ...khi được nhắc nhở.
	<p>MT16: Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa khi ăn, ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống - Không trèo leo bàn ghế lan can - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo - Không nghịch vật sắc nhọn - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	<p>* Nghe:</p> <p>MT17: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu đơn giản và một số từ khái quát gần gũi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện 2- 3 yêu cầu của cô giáo đơn giản, ví dụ: Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ - Hiểu được một số từ khái quát: Quần áo, đồ chơi rau quả, đồ gỗ...
	<p>* Nói</p> <p>MT18: Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm. - Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Đi thăm ông

	ra của bản thân	bà, đi chơi, xem phim...
	MT19: Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...phù hợp với độ tuổi.	- Đọc thơ,ca dao,đồng dao, câu đố, hò, vè... phù hợp với chủ đề.
	MT20: Trẻ huyệ đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	- Nghe, hiểu nội dung truyện - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe - Biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh
	MT21: Trẻ biết sử dụng các từ lịch sự, lễ phép trong giao tiếp với cô giáo và	- Sử dụng các từ lịch sự, lễ phép trong giao tiếp với cô giáo: “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa...”
	* Làm quen với đọc, viết. MT22: Trẻ biết đề gị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh	- Cầm sách đúng chiều và mở sách từng trang để xem tranh ảnh “Đọc” sách theo tranh minh họa “Đọc vẹt”
	MT23: Trẻ đọc được một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống và một số biển báo giao thông đường bộ	- Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm... - Nhận ra một số biển báo giao thông đường bộ như: Đèn giao thông,
PHÁT	MT24: Trẻ thích vẽ, “Viết” nguệch ngoạc, có khả năng phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt	- Thích cầm bút tô, vẽ, “Viết” nguệch ngoạc ở bảng, trên sân trường - Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt như: Dở sách để đọc, xem tranh, vẽ, tô màu

TRIỂN NHẬN THỨC	<p>* Khám phá khoa học</p> <p>MT 25: Trẻ nói được tên tuổi giới tính các bộ phận trên cơ thể của bản thân</p>	<p>- Tên tuổi giới tính của bản thân như: Tôi là bạn Nam, tóc tôi ngắn, tôi thích xem phim hoạt hình...</p> <p>- các bộ phận trên cơ thể của bản thân</p>
	<p>MT26: Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực</p>	<p>- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi</p> <p>- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)</p>
	<p>MT27: Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc tình cảm với con người sự vật hiện tượng xung quanh</p>	<p>- Nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói qua tranh ảnh</p> <p>- Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi tức giận</p> <p>- Nhận ra hình ảnh bác hồ</p> <p>- Thích nghe kể chuyện, nghe hát đọc thơ, xem tranh ảnh về các chủ đề</p>
	<p>MT28: Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đề tài được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.</p>	<p>- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây cối, hoa quả quen thuộc.</p>
	<p>MT29: Trẻ thích tìm hiểu, thích khám phá tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh</p>	<p>- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.</p> <p>- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.</p> <p>- Phối hợp các giác quan để xem xét các sự vật, hiện tượng như kết hợp, nhìn sờ nắn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p> <p>- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.</p>
	<p>MT30: Trẻ biết tên, một số công việc của những người thân và một số người gần gũi</p>	<p>- Biết phối hợp các giác quan để quan sát, khám phá hay đặt câu hỏi vì sao? để làm gì? làm như thế nào? khi nào?</p>

	xung quanh trẻ.	
	MT31: Trẻ phân biệt được các đối tượng theo 1-2 dấu hiệu nổi bật	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật của 1 số đồ dùng, đồ chơi, con vật, cây hoa quả. - Sự giống và khác nhau của 1-2 đồ dùng, đồ chơi, con vật, cây hoa quả. - Phân loại phương tiện giao thông theo 1 dấu hiệu.
	MT32: Trẻ nói được mối quan hệ đơn giản của một số sự vật, hiện tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Mối liên hệ giữa các đặc điểm với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó tới sinh hoạt của con người.
	<p>* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.</p> <p>MT33: Bước đầu trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng ở xung quanh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, “Hỏi bao nhiêu?” “Là số mấy...”
	MT34: Trẻ đếm và nhận biết được kết quả trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng
	MT35: Trẻ biết cách so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và nói được kết quả so sánh.	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả như: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
	MT36: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng so với bản thân	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết phía trước, phía sau, phía trên, phía dưới, tay phải, tay trái của bản thân
	MT37: Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ cao hơn/thấp hơn; dài hơn/ ngắn hơn; to hơn/ nhỏ hơn; bằng nhau, sắp xếp theo quy tắc	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết so sánh 2 đối tượng về kích thước - Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại - Xếp xen kẽ.

		- Ghép đôi tương ứng.
	MT38: Trẻ nhận biết được hình dạng và gọi tên các hình tròn vuông, tam giác, chữ nhật	- Nhận biết nhận hình dạng và gọi tên các hình tròn vuông, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.
	* Khám phá xã hội: MT39: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện	- Nói được họ và tên, tuổi giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện - Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các bạn trong lớp khi được hỏi và trò chuyện.
	MT40: Trẻ nói được địa chỉ của gia đình, tên trường lớp, bạn, cô giáo, đồ chơi, đồ dùng khi được hỏi trò chuyện	- địa chỉ của gia đình khi được hỏi và trò chuyện - Nói được tên trường lớp, bạn, cô giáo, đồ chơi, đồ dùng
	MT41: Trẻ kể được tên và nói đặc điểm của 1 số ngày hội, ngày lễ, một vài danh lam thắng cảnh của địa phương.	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội: Ngày nhà giáo Việt Nam, tết trung thu... - Tên một vài danh lam thắng cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.
	MT42 Trẻ kể được tên, công cụ sản xuất, sản phẩm và lợi ích của một số nghề mà trẻ biết	- Kể tên và nói đặc điểm của công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ QUAN HỆ XÃ HỘI	MT43: Trẻ nói được tên tuổi giới tính, điều bé thích, không thích	- Tên tuổi, giới tính - Nói điều bé thích, không thích
	MT44: Trẻ biết lễ phép với ông bà, bố mẹ, cô giáo và người thân, người lớn tuổi	- Biết lễ phép với ông bà, bố mẹ, cô giáo và người thân, người lớn tuổi - Biết chào hỏi, nói lời cảm ơn xin lỗi khi được nhắc nhở
	MT45: Trẻ vui vẻ nhận công việc và thực hiện công việc được giao đến cùng	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích - Cố gắng hoàn thành công việc được giao như trực nhật, dọn đồ chơi.

	MT46: Trẻ nhận ra cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, cử chỉ, lời nói qua tranh.	- Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. - Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.
	MT47: Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo các nhóm nhỏ. Không tranh giành đồ chơi.	- Tự, lấy cất đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định - Không tranh giành đồ chơi. - Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo các nhóm nhỏ.
	MT48: Trẻ biết giữ gìn vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định	- Bỏ rác đúng nơi quy định - Tiết kiệm điện, nước - Nhận biết hành vi đúng, sai, tốt, xấu.
	MT49: Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây cảnh, con vật	- Thích chăm sóc cây, con vật - Không bẻ cành ngắt hoa.
	MT50: Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về bác hồ	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về bác hồ
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	MT51: Trẻ vui sướng, vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn các vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	MT52: Trẻ chú ý nghe tỏ ra thích được hát theo vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc	- Nghe bài hát bản nhạc (Nhạc thiếu nhi, dân ca) - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp

	<p>MT53: Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Lựa chọn dụng cụ gõ đệm theo nhịp, phách.
	<p>MT54: Trẻ vui sướng chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (Về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vui sướng chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (Về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm
	<p>MT55: Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm
	<p>MT56: Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh đơn giản</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản - Nhận xét sản phẩm tạo hình
	<p>MT57: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản</p>	<ul style="list-style-type: none"> Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.
	<p>MT58: Trẻ biết xoay tròn, lăn dọc, ấn dẹt, đất nặn để nặn thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn, lăn dọc, ấn dẹt, đất nặn để nặn thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối
	<p>MT59: Trẻ biết Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản
	<p>MT60: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói nên ý tưởng và tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình

*** Dự kiến các chủ đề và thời gian thực hiện**

Tên chủ đề	Thời gian thực hiện	Lĩnh vực phát triển				
		Lĩnh vực PTTC	Lĩnh vực PTNN	Lĩnh vực PTNT	Lĩnh vực TC và KNXH	Lĩnh vực PTTM
1. Chủ đề: Trường mầm non (3 tuần)	Từ ngày 9/9-27/9/2024	MT: 1 5, 13, 16	MT:19, 20 21	MT: 29, 31, 33, 37, 41	MT: 43 MT: 47	MT: 51 52, 53, 56, 59
2. Chủ đề: Bản thân (4 tuần)	Từ ngày 30/9 - 25/10/2024	MT:1, 3,7, 9	MT: 18, 19, 20, 24	MT: 25, 27, 36, 39	MT: 46 MT: 47	MT: 52, 55, 56, 58
3. Chủ đề Gia đình (4 tuần)	Từ ngày 28/10 - 22/11/2024	MT: 1, 6, 11, 14	MT: 19, 20, 22	MT: 30, 31, 34, 35, 40, 41	MT: 44, 47	MT: 52, 56, 58, 59
4. Chủ đề Nghề nghiệp (4 tuần)	Từ ngày 25/11-20/12/2024	MT: 1 2, 12	MT:19, 20, 24	MT: 26, 34, 35, 41. 42	MT: 45, 47	MT: 52, 56, 59.
5. Chủ đề Động Vật (5 tuần)	Từ ngày 23/12/2024 - 24/01/2025	MT: 1 2, 6,15.	MT; 18 19, 20	MT: 28 31, 34, 35 37	MT: 47 48, 49	MT: 52, 55, 56, 58, 59.
6. Chủ đề Thực vật (4 tuần)	Từ ngày 3/02/-28/2/2025	MT: 1, 4, 10	MT: 17, 19, 20	MT: 28, 29, 31, 37, 41	MT: 47 48, 49	MT: 52, 54, 56, 57 58, 59
7. Chủ đề Giao thông (4 tuần)	Từ ngày 03/3-28/3/2025	MT: 1, 2, 16	MT: 19, 20, 23	MT: 26, 31, 38 41	MT: 47, 48	MT: 52 56, 58, 59

8.Chủ đề: Nước - mùa hè (3 tuần)	Từ ngày 31/3- 18/4/2025	MT: 1, 5, 15	MT: 19, 20	MT: 32, 35, 37	MT: 47, 48	MT: 51, 52, 55, 56
9.Chủ đề: Quê hương (4 tuần)	Từ ngày 21/4- 16/5/2025	MT: 1, 3, 4, 8	MT 19, 20, 24	MT: 27, 37, 41	MT: 45, 47, 50	MT: 52, 56, 58, 59, 60
Tổng	35 tuần					

*** Khối mẫu giáo 4 - 5 TUỔI.**

Lĩnh vực GD	Mục tiêu năm học	Nội dung
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	* Phát triển vận động.	
	MT 1: Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Lung, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước ngửa người ra sau + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang phải, sang trái. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Nhún chân + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối
	MT 2: Trẻ thể hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng đúng tư thế,	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng đúng tư thế, thành thạo và thăng bằng khi nhảy, bật.

thành thạo và thăng bằng khi nhảy, bật.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật xa 35-40cm - Bật liên tục vào 4-5 vòng - Bật nhảy từ trên cao xuống (Cao 30-40cm)
MT 3: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi trên ghế thể dục, Đi trong đường hẹp...
MT4: Trẻ kiểm soát được vận động đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng hiệu lệnh vật chuẩn (đổi hướng ít nhất 3 lần)	<ul style="list-style-type: none"> - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc, (đổi hướng) theo vật chuẩn - Chạy 15m trong khoảng 10 giây
MT 5: Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động. (Tung, ném, chuyền bóng).	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp tay - mắt trong vận động. (Tung, ném, chuyền bóng). - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Ném chướng đích
MT 6: Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp. (Bò, trườn, trèo...)	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp. (Bò, trườn, Trèo) - Bò chui qua cổng, ống dài... - Trèo lên xuống 5 giống thang
MT7: Trẻ thực hiện được các vận động <ul style="list-style-type: none"> - Cuộn- xoay tròn cổ tay - Gập mở các ngón tay 	<ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoay xoắn, vặn, búng ngón, tay vè, véo vuốt, miết ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy
MT 8: Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình người, nhà, cây, gập mở sách đúng chiều... - Cắt thành thạo theo đường thẳng - Xây dựng, lắp ráp 10 - 12 khối
MT9: Trẻ tự biết cài, cởi cúc, buộc dây giày.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.

* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.	
MT10: Trẻ biết được một số thực phẩm cùng nhóm.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng) - Thịt, cá, trứng, sữa...có nhiều chất đạm. - Rau quả,...có nhiều vitamin.
MT 11: Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> - Rau có thể luộc, nấu canh; Thịt có thể luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, nấu cháo...
MT 12: Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc nhở. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi đồ thức ăn.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi đồ thức ăn.
MT 13: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống.	<ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn. Ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã.
MT 14: Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh ... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.
MT15: Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. Biết không nghịch các vật sắc nhọn	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. Biết không nghịch các vật sắc nhọn.
MT16: Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ ao sông, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra những nơi như: Hồ ao sông, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần
MT 17: Trẻ biết một số hành	<ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa khi ăn các loại quả có

	động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	hạt. - Không ăn thức ăn khi có mùi ôi. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo
	MT18: Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:	- Gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ ra đình số điện thoại của người thân khi cần thiết.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	* Nghe hiểu lời nói.	
	MT 19: Trẻ thực hiện được 2- 3 yêu cầu liên tiếp, Ví dụ: Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng	- Hiểu các từ chỉ tính chất, công dụng và các từ chỉ biểu cảm. - Hiểu và thực hiện được 2- 3 yêu cầu
	MT20: Trẻ hiểu được nghĩa 1 số từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...
	MT 21: Trẻ nghe hiểu khi người khác nói và trao đổi với người đối thoại.	- Lắng nghe, hiểu khi người khác nói và trao đổi với người đối thoại. - Nghe hiểu một số câu chuyện phù hợp với độ tuổi... - Nghe hiểu các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi. - Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”; “cái gì?”; “ở đâu?”; “Khi nào?”; “Để làm gì ?”
	* Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày	
MT 22: Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được. - Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	
	MT 23: Trẻ biết sử dụng các	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết

câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép
MT24: Trẻ nghe, hiểu nội dung câu truyện, biết tên nhân vật trong truyện	- Nghe, hiểu nội dung câu truyện, biết tên nhân vật trong truyện - Kể lại truyện đã được nghe
MT 25: Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện, biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể truyện có mở đầu có kết thúc. - Bắt trước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. - Kể chuyện theo tranh minh họa. Đóng kịch
MT 26: Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... phù hợp với độ tuổi	- Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao tục ngữ hò vè...
MT 27: Trẻ biết sử dụng các từ lịch sự, lễ phép trong giao tiếp với cô giáo và các bạn.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lịch sự, lễ phép trong giao tiếp với cô giáo và các bạn như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp.
* Làm quen với việc đọc – viết	
MT 28: Trẻ biết chọn sách đề xem. Cầm sách đúng chiều và mở sách từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa “Đọc vẹt”.	- Làm quen với việc đọc, kể. - Biết phần mở đầu và kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ - Giữ gìn bảo vệ sách
MT 29: Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	- Nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, Biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)
MT 30: Bước đầu trẻ nhận biết được các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. Cách sử dụng công cụ tô, viết và đưa tay tạo thành nét vẽ.	- Nhận dạng một số chữ cái - Trò chơi với các chữ cái - Tập cầm bút tô, vẽ các nét chữ từ phải sang trái, từ trên xuống dưới

		- Sử dụng kí hiệu để “Viết” tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	* Khám phá khoa học	
	MT 31: Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: “sao cây lại héo? ...	- Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng : “Vì sao cây lại héo? ...
	MT 32: Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét các sự vật, hiện tượng như kết hợp, nhìn sờ nắn, ngửi ... để tìm hiểu đặc điểm, ích lợi, tác dụng của đối tượng.	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, quã, đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Tên, ích lợi, 1 số thực phẩm, nhóm dinh dưỡng
	MT33: Trẻ biết thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/muối vào nước	- Thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/muối vào nước
	MT34: Trẻ biết thu nhập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	- Thu nhập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện
	MT35: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	- Phân loại con vật, cây, hoa, quả, theo 1-2 dấu hiệu - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu - Phân loại phương tiện giao thông theo 1-2 dấu hiệu
	MT36: Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng quan sát.	- Đặc điểm, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa quả, quả gòn gũ, ích lợi

		<p>và tác hại đối với con người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự khác và giống nhau của 2 phương tiện GT
	MT 37: Trẻ phân biệt được 1 số nghề phổ biến qua một số nét và công việc đặc trưng của nghề đó.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được 1 số nghề phổ biến qua một số nét và công việc đặc trưng của nghề đó. - Kể tên và nói đặc điểm của công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.
	MT38: Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, và tạo hình...	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, và tạo hình...
	MT 39: Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của một số sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối lên nước ngọt/ mặn hơn.	<ul style="list-style-type: none"> - Mối liên hệ đơn giản giữa các đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây, môi trường sống - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
	MT40: Trẻ biết một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt con người	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt con người - Sự khác nhau giữa ngày và đêm
	MT 41: Trẻ biết được các nguồn nước trong môi trường sống. Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây	<ul style="list-style-type: none"> - Các nguồn nước trong môi trường sống - Một số đặc điểm và tính chất của nước - Ích lợi của nước với đời sống

	<p>con người, con vật và cây</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây
* Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán	
MT 42: Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng ở xung quanh trẻ.	-Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm như các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? Là số mấy? ...
MT 43: Trẻ đếm và nói được kết quả trong phạm vi 10.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự. - Đếm được đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.(Số nhà, biển số xe)
MT 44: Trẻ biết cách so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ như: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và nói được kết quả so sánh.
MT 45: Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói được kết quả. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	<ul style="list-style-type: none"> - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn
MT 46: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng trở lên và sao chép lại.	- So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.

	MT47: Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	<ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo
	MT 48: Trẻ biết so sánh 2- 3 đối tượng về chiều cao, độ dài ngắn, độ lớn giữa chúng.	- Nhận biết chiều cao, chiều dài, chiều rộng của 3 đối tượng
	MT 49: Trẻ nhận biết phân biệt được các hình, khối đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết phân biệt các hình theo đặc điểm - Chắp ghép các hình hình học khác nhau để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Nhận biết khối: Vuông, chữ nhật
	MT 50: Trẻ nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước- phía sau; phía trên - phía dưới) . - Nhận biết phía phải- phía trái của đối tượng khác - Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều tối.
* Khám phá xã hội		
	MT51: Trẻ nói được họ và tên, tuổi giới tính của bản thân và một vài đặc điểm nổi bật của các bạn trong lớp khi được hỏi và trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân, của bạn
	MT52: Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình và công việc của họ. một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
	MT53: Trẻ nói được địa chỉ của trường lớp. Một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong	- Tên, chỉ của trường lớp. Tên công việc của cô giáo và các cô bác ở trường

	trường khi được hỏi, trò chuyện.	
	MT54: Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi ... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Phân biệt được 1 số nghề phổ biến qua một số nét và công việc đặc trưng của nghề đó. - Kể tên và nói đặc điểm của công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.
	MT55: Trẻ kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Đặc điểm, hoạt động nổi bật của một số ngày lễ hội
	MT56: Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp di tích lịch sử ở địa phương và quê hương đất nước.	- Đặc điểm của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa ở địa phương và quê hương đất nước.
	MT 57: Trẻ nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.	- Nói được mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, địa chỉ, số điện thoại của trường lớp, gia đình
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	MT 58: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. Nói được điều bé thích, bé không thích	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, bố mẹ. - Sở thích, khả năng của bản thân
	MT 59: Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. Cố gắng hoàn thành công việc được giao	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. - Cố gắng hoàn thành công việc được giao như trực nhật, dọn đồ chơi.
	MT60: Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh
	MT61: Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ nặn, xếp hình
	MT62: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ,	- Kính yêu Bác Hồ

	lăng Bác Hồ. Thể hiện tình cảm của mình với Bác qua hát, đọc thơ, cùng cô kể truyện về Bác	- Thể hiện tình cảm của mình với Bác qua hát, đọc thơ, cùng cô kể truyện về Bác Hồ.
	MT63: Trẻ biết vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước
	MT64: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà bố mẹ	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi cộng đồng(để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).
	MT65: Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi chào hỏi lễ phép, chú ý nghe cô khi cô bạn nói. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép - Chờ đến lượt khi hợp tác
	MT 66: Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung.	- Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động vui chơi - Tự lấy, cất đồ chơi đúng nơi quy định - Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo các nhóm nhỏ
	MT 67: Trẻ thể hiện sự quan tâm đến môi trường.	- Thích chăm sóc con vật thân thuộc - Bỏ rác đúng nơi quy định - Không bẻ cành ngắt hoa. - Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	MT 68: Trẻ vui sướng vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

	<p>MT69: Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát vỗ tay nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện</p>	<p>- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca) - Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện</p>
	<p>MT70: Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.</p>	<p>- Thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình của các tác phẩm tạo hình.</p>
	<p>MT71: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...</p>	<p>- Hát đúng giai điệu, lời ca, và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát</p>
	<p>MT72: Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).</p>	<p>- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu, múa</p>
	<p>MT73: Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm</p>	<p>- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm</p>
	<p>MT74: Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục...</p>	<p>- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước/, hình dáng/đường nét</p>
	<p>MT75: Trẻ biết xé, cắt, xếp hình theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục.</p>	<p>- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước/, hình dáng/đường nét</p>
	<p>MT76: Trẻ biết làm lốm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.</p>	<p>- Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước/ hình dáng/đường nét</p>

	MT77: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.
	MT78: Trẻ lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát bản nhạc	- Lựa chọn thể hiện hình thức vận động theo bài hát bản nhạc
	MT 79: Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài hát.
	MT80: Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

*** Dự kiến các chủ đề và thời gian thực hiện**

Tên chủ đề	Thời gian thực hiện	Lĩnh vực phát triển				
		Lĩnh vực PTTC	Lĩnh vực PTNN	Lĩnh vực PTNT	Lĩnh vực TC và KNXH	Lĩnh vực PTTM
1. Chủ đề: Trường mầm non (3 tuần)	Từ ngày 9/9 đến 27/9/2024	MT: 1, 2, 13, 14	MT: 19, 26, 30	MT: 36, 43, 44, 51, 53, 55	MT: 64, 66	MT: 71, 72, 73, 74
2. Chủ đề: Bản thân (4 tuần)	Từ ngày 30/9 đến 25/10/2024	MT: 1, 5, 7, 10, 12	MT: 20, 24, 26, 27, 30	MT: 32, 43, 44, 50, 51	MT: 58, 60, 66	MT: 70, 71, 72, 73, 74, 76
3. Chủ đề: Gia đình (4 tuần)	Từ ngày 28/10 - 22/11/2024	MT: 1, 6, 9, 15	MT: 21, 24, 26, 30	MT: 34, 35, 44, 48, 52, 55, 57	MT: 59, 64, 66	MT: 69, 71, 72, 74, 76

4. Chủ đề: Động vật (5 tuần)	Từ ngày 25/11/- 27/12/ 2024	MT: 1, 3, 8	MT: 24, 25, 26, 30	MT: 35, 36, 43, 44, 45, 55	MT: 66 67	MT: 68, 71, 72, 73, 74, 76
5. Chủ đề: Giao Thông (4 tuần)	Từ ngày 30/12/2024 24/01/2025	MT: 1, 5, 7, 18	MT: 24, 26, 29, 30	MT: 35, 36, 43, 48, 49	MT: 59, 61, 66	MT: 71, 72, 73, 74 75, 77
6. Chủ đề: Thực vật (4 tuần)	Từ ngày 03/02/2025 28/02/2025	MT:1, 4 11	MT: 20, 22, 24, 26, 28, 30	MT: 31, 35, 36, 43, 44, 55	MT: 65, 66, 67	MT: 71, 72, 74, 75, 80
7. Chủ đề: Nghề nghiệp (5 tuần)	Từ ngày 03/3/ - 4/4/2025	MT: 1, 2 17	MT: 19, 23, 24, 26, 30	MT: 36, 37, 38, 42, 43, 46, 54, 55	MT: 66	MT: 71, 72, 73, 74, 76, 77, 79
8 Chủ đề: Nước - mùa hè (3 tuần)	Từ ngày 07/4 - 25/4/2025	MT: 1, 2, 8, 16	MT: 23, 24, 26, 30	MT: 33, 39, 40,41 42, 47, 50	MT: 65, 66	MT: 71, 72, 73, 74 76
9. Chủ đề: Quê hương (3 tuần)	Từ ngày 28/4/ - 16/5/2025	MT: 1, 6, 9	MT: 21, 24, 26, 30	MT: 38, 43, 44, 49, 55, 56	MT: 62, 63, 66	MT: 71, 72, 74, 75, 78

IV. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC TRẺ **MẪU GIÁO 5-6 TUỔI**

1. Mục tiêu, nội dung

Mục tiêu GD năm học	Nội dung GD năm học
1. Giáo dục phát triển thể chất	
<i>* Phát triển vận động</i>	
MT 1: Trẻ thực hiện đúng (thuần)	- Hô hấp: Hít vào, thở ra

<p>thực) các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân, 2 tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lung, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay đưa lên cao, chân bước sang phải sang trái. + Quay sang trái sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang 2 bên kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang đưa về phía sau. + Nhảy lên đưa 2 chân sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, 1 chân phía sau.
<p>MT 2: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Không làm rơi vận đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục; đứng 1 chân và giữ thăng người 10 giây.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3 m) một đầu kê cao 0,3.
<p>MT 3: Trẻ kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động (đổi hướng ít nhất 3 lần).</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván dốc. - Đi nôi bàn chân tiến, lùi. - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng đích đặc theo hiệu lệnh. - Chạy 18m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100-120m.

<p>MT 4: Trẻ phối hợp được tay – mắt trong vận động: Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng 4m). ném trúng đích đứng (xa 2mx cao 1,5m). đi đập và bắt bóng 4-5 lần liên tiếp.</p>	<p>+ Phối hợp được tay – mắt trong vận động: Tung; ném; bắt bóng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung đập bắt bóng tại chỗ, - Đi và đập bắt bóng cho người đối diện. - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. - Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 – 2m).
<p>MT 5: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p>	<p>+ Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Ném trúng đích, bắt xa, nhảy lò cò</p>
<p>MT 6: Trẻ biết bò, trườn, trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m. - Bò đích dắc qua 7 điểm. - Trèo lên, xuống ghế. - Trườn sắp kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm - Trèo lên, xuống thang.
<p>MT 7: Trẻ biết bật - nhảy: Bật liên tục, Bật nhảy từ trên cao xuống, Bật tách, khếp chân, bật qua vật cản.</p>	<p>+ Bật liên tục, Bật nhảy từ trên cao xuống, Bật tách, khếp chân, bật qua vật cản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 40-50cm. - Bật nhảy từ trên cao xuống (40-45cm). - Bật tách chân, khếp chân qua 7 ô. - Bật qua vật cản cao 15-20cm. - Nhảy lò cò 5m.
<p>MT 8: Trẻ thực hiện được các vận động: Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay; gập, mở lần lượt từng ngón tay</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. 3 – Bè, nắn. - Lắp ráp.
<p>MT 9: Trẻ cắt được theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cắt rời được hình. - Đường cắt lượn sát theo nét vẽ. - Xé cắt đường vòng cung.

MT 10: Trẻ biết xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu, ghép và dán hình đã cắt theo mẫu	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp chồng theo mẫu (12- 15 khối). - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.
MT 11: Trẻ biết tự cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động của bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Lắp ráp các hình, khâu luồn các hạt, buộc dây. - Cài, cởi cúc áo, quần, kéo khóa.
MT 12: Trẻ biết vẽ hình và sao chép chữ cái, chữ số.	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình và sao chép chữ cái, chữ số.
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe:	
MT 13: Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên một số thực ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. - Nhận biết phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
MT 14: Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; gạo nấu cơm, nấu cháo...	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên một số món ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
MT 15: Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn 45ien, uống sôi, để khỏe mạnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn đủ lượng đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
MT 16: Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng; tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
MT 17: Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.

thạo.	
MT 18: Trẻ có được một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: Mời cô mời bạn, từ tốn; Không đùa nghịch, không làm rơi vãi thức ăn.	<ul style="list-style-type: none"> - Có được một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: + Mời cô mời bạn khi ăn và ăn từ tốn; Không đùa nghịch, không làm rơi vãi thức ăn + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau; Không ăn quà vặt ngoài đường.
MT 19: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh: Vệ sinh răng miệng; ra nắng đội mũ; nói với người lớn khi bị đau; che miệng khi ho hắt hơi; đi vệ sinh, bỏ rác đúng nơi quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh: + Vệ sinh răng miệng sau khi ăn + Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc quần áo ấm khi trời lạnh; + Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt; + Che miệng khi ho hắt hơi; + Đi vệ sinh, bỏ rác đúng nơi quy định.
MT 20: Trẻ biết bàn là, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm.	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên một số đồ vật gây nguy hiểm - Không sử dụng những đồ vật dễ gây nguy hiểm để chơi khi không được người lớn cho phép - Nhắc nhở hoặc báo người lớn khi thấy bạn sử dụng những đồ vật gây nguy hiểm
MT 21: Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được nơi bẩn, nơi sạch. - Nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần. - Những nơi sạch và an toàn.
MT 22: Trẻ có thể nhận biết nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.
MT 23: Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và	<ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, nổ, có bạn bị rơi xuống nước...

gọi người giúp đỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Khi người lớn lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, bán nước ngọt, rủ đi chơi. - Địa chỉ nơi ở, số điện thoại của gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
MT 24: Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: + Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi; + Đi bộ trên hè, đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ bảo hiểm an toàn khi ngồi trên xe máy. + Không leo trèo cây, ban công, tường rào.
2. Giáo dục phát triển nhận thức.	
<i>* Khám phá khoa học.</i>	
MT 25: Trẻ tò mò, tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa”...	<ul style="list-style-type: none"> - Tò mò, tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa”...
MT 26: Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau xem xét lá, hoa, quả...	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp các giác quan để, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.
MT 27: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận: + Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh phát triển.
MT 28: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Ngắm nhìn, sờ, xem	<ul style="list-style-type: none"> - Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh, ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.

sách, tranh, ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	
MT 29: Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng: Nắp cốc có những giọt nước do nước bốc hơi.	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng: Nắp cốc có những giọt nước do nước bốc hơi.
MT 30: Trẻ biết giải quyết vấn đề bằng các cách khác nhau.	- Giải quyết vấn đề bằng các cách khác nhau.
MT 31: Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng quan sát.	- Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, so sánh sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng quan sát: đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
MT 32: Trẻ thể hiện hiểu biết của mình về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện hiểu biết của mình về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...
MT 33: Trẻ biết đặc điểm, công dụng của một số đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông theo 2-3 dấu hiệu	- Đặc điểm, công dụng của một số đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông và luật lệ giao thông. - So sánh, phân loại phương tiện giao thông theo 2 – 3 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi
MT 34: Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên	- Quá trình phát triển của cây, điều kiện sống của một số loại cây, con vật - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ cây, con vật, - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây.

<p>MT 35: Trẻ biết phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu. Biết tên, ích lợi của 1 số chất dinh dưỡng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa quả. - Tên gọi, ích lợi của 1 số chất dinh dưỡng.
<p>* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.</p>	
<p>MT 36: Trẻ quan tâm đến con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Đây là mấy?”... Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ đếm được trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
<p>MT 37: Trẻ nhận biết được các số từ 5- 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được các số từ 5 – 10 và sử dụng các số các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.
<p>MT 38: Trẻ biết so sánh 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít nhất.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả
<p>MT 39: Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gộp/tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và đếm.
<p>MT 40: Trẻ nhận biết được các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển xe...).
<p>MT 41: Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh phát hiện ra quy tắc sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp. - Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.
<p>MT 42: Trẻ sử dụng được một</p>	<p>Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và</p>

số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả đo	so sánh, nói kết quả đo
MT 43: Trẻ gọi được tên và chỉ ra các điểm giống khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
MT 44: Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác
MT 45: Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.
* Khám phá xã hội.	
MT 46: Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính các bộ phận trên cơ thể của bản thân khi được trò chuyện	- Họ tên ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Đặc điểm, chức năng của các bộ phận trên cơ thể
MT 47: Trẻ nói tên tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; - Sở thích của các thành viên trong gia đình.
MT 48: Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố, xóm/thôn/xã), số điện thoại.	- Quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). - Nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình.
MT 49: Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non. - Công việc của các cô bác trong trường mầm non.
MT 50: Trẻ nói được họ tên và đặc điểm, của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm sở thích của các bạn các hoạt động của trẻ.
MT 51: Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một	- Tên gọi, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của

số nghề: nghề nông, làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...	địa phương.
MT 52: Trẻ kể được tên và nêu vài đặc trưng của danh nam thắng cảnh di tích lịch sử, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước	- Tên một số di tích lịch sử của địa phương, trang phục, món ăn. - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ	
MT 53: Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể: “ Các bạn có tên có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, Các bạn có tên có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái”.	- Hiểu và làm theo 2-3 yêu cầu liên tiếp.
MT54: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	- Hiểu từ khái quát, từ trái nghĩa.
MT 55: Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.
MT 56: Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.
MT57: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.	- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.
MT 58: Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng, câu phức.

<p>MT 59: Trẻ miêu tả được sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.</p>	<p>- Miêu tả được sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.</p>
<p>MT60: Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...</p>	<p>- Nghe, hiểu nội dung của các bài ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi của trẻ. - Đọc thuộc, đọc rõ lời và diễn cảm các bài thơ, đồng dao, ca dao phù hợp với độ tuổi của trẻ.</p>
<p>MT 61: Trẻ biết kể chuyện có thay đổi một vài chi tiết, như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện</p>	<p>- Kể chuyện theo đồ vật theo tranh. - Kể có thay đổi một vài chi tiết, như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện</p>
<p>MT 62: Trẻ nghe và hiểu nội dung truyện kể. Kể lại chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân</p>	<p>- Nghe, hiểu nội dung chính của câu chuyện. Các tình huống các nhân vật trong chuyện. Tên, tính cách của các nhân vật trong chuyện, - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể lại chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân. - Đóng được vai của nhân vật trong truyện</p>
<p>MT 63: Trẻ sử dụng được các từ “Cảm ơn”, “Xin lỗi”, “Xin phép”, “Thưa”, “ Dạ”, “ Vâng” phù hợp với tình huống.</p>	<p>- Sử dụng các từ biểu tượng.</p>
<p>MT 64: Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.</p>	<p>- Hướng đọc viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ - Giữ gìn, bảo vệ sách vở.</p>
<p>MT 65: Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, nôi ra –vào, cấm lửa, biển báo giao thông...</p>	<p>- Nhận ra ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, nôi ra –vào, cấm lửa, biển báo giao thông...</p>

thông...	
MT 66: Trẻ nhận dạng được các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. Biết cách tô, đồ các nét chữ	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. - Cách phát âm chữ cái - Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
4. Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội	
MT 67: Trẻ nói được họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Nói họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
MT 68: Trẻ nói được điều trẻ thích, không thích, những việc bé làm được việc gì bé không làm được.	- Sở thích và khả năng của bản thân.
MT 69: Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, khả năng)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
MT 70: Trẻ biết mình là con/cháu anh/chị/em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.
MT 71: Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
MT 72: Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)
MT 73: Trẻ nhận biết được một số trạng thái, cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.

MT 74: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.
MT 75: Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.
MT 76: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)
MT 77: Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng kể chuyện về Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng kể chuyện về Bác Hồ.
MT 78: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng.
MT79: Trẻ biết cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Biết cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.
MT 80: Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói không ngắt lời người khác. Biết chờ đến lượt	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.
MT 81: Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. - Tự lấy, cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định. - Biết thể hiện vai chơi của mình
MT 82: Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” - “sấu”
MT 83. Trẻ biết bỏ rác đúng	- Bỏ rác đúng nơi quy định.

<p>nơi quy định. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái lá...)</p>	<p>- Nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái lá...).</p>
<p>MT 84: Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.</p>	<p>- Tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, - Không để thừa thức ăn.</p>
<p>MT 85: Trẻ thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc;</p>	<p>- Tỏ ra phấn khởi, ngắm nghía hoặc nâng niu, vuốt ve. - Nói về sản phẩm của mình với người khác. - Cát sản phẩm cẩn thận.</p>
<p>MT 86: Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;</p>	<p>- Thể hiện những ký hiệu của mình theo nhu cầu. - Tạo ra những biểu tượng, hình mẫu. - Sao chép các ký hiệu, chữ, từ để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân.</p>
<p>5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ</p>	
<p>*Âm nhạc</p>	
<p>MT 87: Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.</p>	<p>- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.</p>
<p>MT 88: Trẻ chăm chú lắng nghe và phản ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</p>	<p>- Chăm chú lắng nghe và phản ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</p>

đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	
MT 89: Trẻ thích thú và ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của tác phẩm tạo hình.	- Thích thú và ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của tác phẩm tạo hình.
MT 90: Trẻ hát đúng giai điệu lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển...) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Trẻ thuộc các bài hát về chủ đề
MT 91: Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc, với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa...).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
* Tạo hình	
MT 92: Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên phế liệu để tạo ra sản phẩm.
MT 93: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
MT 94: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT 95: Trẻ biết phối hợp các	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản

kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối	phẩm có bố cục cân đối
MT 96: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
MT 97: Trẻ biết nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục cân đối.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT 98: Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.
MT 99: Trẻ biết cách gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.
MT 100: Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Nói ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

*** Dự kiến các chủ đề và thời gian thực hiện**

Tên chủ đề	Thời gian thực hiện	Lĩnh vực phát triển				
		Lĩnh vực PTTC	Lĩnh vực PTNT	Lĩnh vực PTNN	Lĩnh vực PTTC & QHXH	Lĩnh vực PTTM
1.Chủ đề: Trường Mầm non: (3 tuần)	Từ ngày 9/9 đến 27/9/2024	MT: 1, 7, 8 18, 19	MT: 33 37, 38, 39, 49, 52	MT: 55, 60, 62, 66	MT: 71 72, 78, 81	MT: 87, 90, 91, 93
2. Chủ đề: Bản thân. (4 tuần)	Từ ngày 30/9 đến 25/10/2024	MT: 1, 4, 13, 14	MT: 35, 37, 38, 39, 44, 46, 50	MT: 60, 62, 66	MT: 67, 69,73, 80, 81	MT: 90, 91, 93 95:

3. Chủ đề: Gia đình (4 tuần)	Từ ngày 28/10 đến 22/11/2024	MT: 1, 2, 3, 20	MT: 28, 33, 37, 38, 39, 47, 48, 52	MT: 60, 62, 63, 66	MT: 70, 75, 78, 81	MT: 90, 91, 92, 93, 94, 95
4. Chủ đề: nghề nghiệp (4 tuần)	Từ ngày 25/11 đến 20/12/2024	MT: 1, 3, 10, 15	MT: 32, 37, 38, 39, 51, 52	MT: 53, 60, 62, 66	MT 68, 74, 81	MT: 88, 90, 91, 93, 97
5. Chủ đề: động vật. (4 tuần)	Từ ngày 23/12/2024 đến 17/01/2025	MT 1, 6 7, 17, 22	MT: 30, 34, 35, 37, 38, 39	MT: 54, 56, 60, 62, 66	MT: 79, 80, 81	MT: 90, 91, 93, 94, 95,96
6. Chủ đề: Thực vật: (4 tuần)	Từ ngày 20/01 - 21/2/2025	MT: 1, 6 9,14	MT: 26, 27, 31,34 35, 37, 38, 39, 52	MT: 58, 60, 62, 66	MT: 68, 72, 81, 83	MT: 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96
7. Chủ đề: Giao thông (3 tuần)	Từ ngày 24/02/ đến 14/3/2025	MT: 1, 6 11, 12	MT: 33, 37, 38, 39, 41, 43, 52	MT: 57, 60, 62, 65, 66	MT: 81, 82, 85	MT: 90, 91, 93 94, 95, 99
8. Chủ đề Quê hương: (3 tuần)	Từ ngày 17/3/ - 04/4/2025.	MT: 1, 4 16, 23	MT: 37, 38, 39, 52	MT: 59, 60, 62, 64 66	MT: 76, 77, 81	MT: 87 90, 91, 93, 94, 95
9. Chủ đề: Một số hiện tượng tự nhiên(4T)	Từ ngày 7/4/ - 2/5/2025.	MT: 1, 4, 5,19, 21	MT: 25, 29, 37, 38, 39, 42	MT: 60, 62, 66	MT: 81 84, 86	MT: 90, 91, 93 94, 95
10. Chủ đề	Từ ngày	MT: 1, 4	MT:	MT: 60,	MT: 81,	MT: 89,

trường tiểu học: (2 tuần)	6/5/ - 16/5/2025	24	28, 36, 37, 38, 39, 45	61, 62, 66	83	90, 91, 93, 94, 98, 100
Tổng	35 tuần					

3. ĐÁNH GIÁ TRẺ

3.1. Đánh giá trẻ Nhà trẻ

+ Đánh giá trẻ hàng ngày.

+ Đánh giá trẻ theo giai đoạn: Đánh giá theo giai đoạn tháng tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi. Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

3.2. Đánh giá trẻ Mẫu giáo

+ Đánh giá trẻ hàng ngày.

+ Đánh giá trẻ ở các lĩnh vực phát triển (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó để điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

IV. XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC

1. Chỉ tiêu

- Đảm bảo đủ phòng học, trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi cho các hoạt động.
- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Trang trí các góc đảm bảo đúng chủ đề chủ điểm, phù hợp cho trẻ theo từng độ tuổi.

2. Giải pháp

*** Trẻ nhà trẻ**

- + *Môi trường trong lớp học*
 - Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.
 - Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.
 - Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.
 - Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

+ *Môi trường ngoài lớp học*

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

+ *Môi trường xã hội*

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

2. Trẻ mẫu giáo.

+ *Môi trường trong lớp học*

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung[80], chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

+ *Môi trường ngoài lớp học*

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

+ *Môi trường xã hội*

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

V. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

1. Ứng dụng giáo dục STEAM

* Mục tiêu

- Khuyến khích trẻ phát triển tư duy sáng tạo, khám phá và giải quyết vấn đề thông qua việc áp dụng các nguyên tắc STEAM.

* Cách ứng dụng

- Tổ chức ứng dụng giáo dục (GD) STEAM trong thực hiện CTGDMN phù hợp với khả năng, nhu cầu của trẻ theo độ tuổi.

- Áp dụng đối các khối 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi. Khuyến khích khối nhà trẻ ứng dụng giáo dục Steam khi tổ chức các hoạt động cho trẻ.

- Mỗi giáo viên xây dựng và soạn giáo án một hoạt động có áp dụng GD Steam trở lên trong mỗi chủ đề.

- Tích hợp STEAM vào các hoạt động hàng ngày:

+ Khoa học: Tổ chức các hoạt động thí nghiệm đơn giản, quan sát thiên nhiên, khám phá các hiện tượng xung quanh.

+ Công nghệ: Sử dụng các công cụ công nghệ đơn giản như máy tính, máy tính bảng, để hỗ trợ học tập.

+ Kỹ thuật: Xây dựng các mô hình, xếp hình, giải quyết các vấn đề thực tế.

+ Nghệ thuật: Tổ chức các hoạt động vẽ, nặn, xé dán, làm thủ công... để trẻ thể hiện ý tưởng của mình.

+ Toán học: Sử dụng các trò chơi, đồ vật để giúp trẻ làm quen với các khái niệm toán học.

- Đánh giá kết quả áp dụng thực hiện sau khi kết thúc mỗi chủ đề.

- Tổ chức ứng dụng giáo dục (GD) STEAM trong thực hiện CTGDMN phù hợp với khả năng, nhu cầu của trẻ theo độ tuổi.

- Mỗi giáo viên xây dựng và soạn giáo án áp dụng một hoạt động trở lên trong mỗi chủ đề.

- Đánh giá kết quả áp dụng sau khi thực hiện.

2. Cho trẻ làm quen tiếng Anh

- Tổ chức thực hiện làm quen Tiếng Anh cho trẻ Mẫu giáo theo thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành.

- Đối tượng trẻ làm quen tiếng Anh: Trẻ

- Thời gian tổ chức: 30-40 phút; Thời lượng dạy 70 tiết/năm học.

- Thời gian tổ chức cho trẻ làm quen tiếng Anh vào các buổi chiều trong tuần.

3. Giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm

- 100% các nhóm lớp soạn kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ lồng ghép, xây dựng và thực hiện một số hoạt động giáo dục kỹ năng sống phù hợp khối tuổi trong từng chủ đề sao cho phù hợp.

- Nhà trường chỉ đạo giáo viên tuyên truyền phối hợp phụ huynh trong việc rèn kỹ năng sống tại nhà theo đúng độ tuổi.

- Xây dựng các hoạt động trải nghiệm phù hợp với trẻ, điều kiện của nhà trường, địa phương.

4. Tiếp cận công nghệ số.

- Có khả năng tắt, mở tivi, điện thoại...

- Có khả năng thực hiện một số thao tác khi tham gia trò chơi trên máy tính, điện thoại và phương tiện dạy học (máy chiếu) ở lớp cũng như ở nhà.

- Trẻ 5 tuổi tham gia chơi các trò chơi với Toán, Chữ cái, tiếng anh... trên bảng tương tác ở lớp.

5. Tiếp cận giáo dục giới

- Nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...

- Trẻ biết tự bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình...

- Nhận diện được các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

I. Đối với BGH nhà trường.

*** Hiệu trưởng**

Thống nhất với các tổ chuyên môn, giáo viên cốt cán trong nhà trường xây dựng mục tiêu giáo dục phù hợp với bản sắc đa văn hóa của địa phương, triển khai đến 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn trường.

*** Phó hiệu trưởng.**

Chỉ đạo giáo viên hợp chuyên môn các khối lớp xây dựng kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục của lớp mình phù hợp với tình hình của lớp cũng như

nhận thức của trẻ tại lớp phụ trách. Sau đó tổ trưởng cùng giáo viên cốt cán đưa ra các mục tiêu chung để đưa về khối.

Đánh giá việc thực hiện chương trình nhằm rút ra bài học trong công tác chỉ đạo thực hiện, việc lập kế hoạch thực hiện chương trình giúp cho cán bộ quản lý, giáo viên có cơ sở thực tiễn để phát triển chương trình.

2. Đối với tổ chuyên môn.

Kết hợp với ban giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, nhằm phát triển chương trình giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

Có ý kiến, đề xuất điều chỉnh mục tiêu giáo dục phù hợp với tình hình nhận thức của trẻ ở các khối, lớp để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ, chủ động, sáng tạo thực hiện nhiệm vụ của tổ.

3. Đối với giáo viên.

Căn cứ vào kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của tổ, nhà trường xây dựng cho năm học, cho các chủ đề thực học của trẻ, cho từng tuần, từng ngày hoạt động cụ thể của lớp mình.

Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ của lớp phải dựa vào nhận thức của trẻ ở lớp mình phụ trách, từ đó giúp trẻ hình thành được kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với từng độ tuổi, hướng tới đặc điểm cá nhân trẻ, tạo điều kiện cho mọi trẻ được hoạt động.

Trên đây là Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường Mầm non Hàm Tử./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Khoái Châu (Để báo cáo);
- Phó Hiệu trưởng (Để chỉ đạo);
- Các tổ chuyên môn
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hải

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

Duyệt ngày....tháng 9 năm 2024

(Đã phê duyệt)

